

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 226 /2022/DS-PT

Ngày 19 – 8 – 2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Trung

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Phương Loan

Bà Đinh Cẩm Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hữu Duy Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:162/2022/TLPT-DS ngày 11 tháng 7 năm 2022 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 121/2022/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:135/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Ngọc T; sinh năm: 1974;

Địa chỉ: Đường L, khóm 3, phường 2, thành phố C, tỉnh C(vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Tấn A, sinh năm 1992; Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh C . (giấy ủy quyền ngày 21/7/2022) (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1976 (vắng mặt);

2. Bà Nguyễn Thị Mộng D, sinh năm: 1978 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Đường L, khóm 3, phường 4, thành phố C, tỉnh C.

Người đại diện hợp pháp của ông H, bà D: Bà Mai Thị Ngọc O, sinh năm 1994; Địa chỉ: Số 58C, đường H, phường T, quận N, thành phố C (Văn bản ủy quyền ngày 11 tháng 8 năm 2022) (có mặt).

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Thanh H, Bà Nguyễn Thị Mộng D là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn, bà Dương Ngọc T trình bày:*

Do quen biết, tin tưởng nhau nên từ năm 2017 đến năm 2020 bà Dương Ngọc T có cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Mộng D mượn tiền nhiều lần. Cụ thể như sau:

- Năm 2017 cho mượn 450.000.000đ có đơn xác nhận.

- Ngày 22/6/2018 mượn 200.000.000đ, ông H là người viết vào biên nhận nợ với nội dung để đầu tư phát triển công ty.

- Ngày 03/01/2019 mượn 300.000.000đ, ông H là có viết vào biên nhận nợ với nội dung để hỗ trợ ông H làm vốn và phát triển doanh nghiệp.

- Ngày 17/5/2020 bà T chuyển khoản cho ông H số tiền 50.000.000đ, ngày 18/5/2020 bà T tiếp tục chuyển vào tài khoản ông H 50.000.000đ, ông H có viết biên nhận số tiền 100.000.000đ vào ngày 18/5/2020, thỏa thuận trả 10 kỳ, mỗi tháng trả 10.000.000đ. Tổng số tiền ông H, bà D đã mượn của bà T là 1.050.000.000đ. Sau khi cho vay nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu ông H, bà D thanh toán vốn vay nhưng do không có khả năng thanh toán nên ông H, bà D có thỏa thuận sẽ trả lãi cho nguyên đơn. Từ năm 2019 đến năm 2020 bị đơn đã chuyển khoản thanh toán được cho bà T số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng và số tiền lãi là 146.500.000 đồng. Nay, bà T yêu cầu ông H, bà D thanh toán vốn vay là 950.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 31/3/2021 đến ngày xét xử số tiền là 139.000.000 đồng.

- *Bị đơn, ông Nguyễn Thanh H trình bày:* Ông thừa nhận có vay và viết biên nhận vay tiền ngày 22/6/2018 số tiền 200.000.000 đồng và ngày 18/5/2020 số tiền 100.000.000 đồng, cả 02 lần đều không có lãi suất và ông đã thanh toán cho bà T số tiền là 246.500.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của bà Dương Ngọc T tại ngân hàng Agribank Cà Mau. Ông H xác định chỉ còn nợ bà T số tiền 53.500.000 đồng (không lãi suất). Đối với các khoản tiền còn lại là do bà T đã tặng cho cá nhân ông H. Ông H cho rằng, lý do ông viết đơn xác nhận đã nhận số tiền 450.000.000 đồng và biên nhận ngày 03/01/2019 số tiền 300.000.000 đồng là để cảm ơn và ghi nhận tấm lòng tốt của bà T đã giúp đỡ ông trong kinh doanh. Do đó, ông H cho rằng đây là hai khoản tiền ông đã được bà T tặng cho chứ không phải vay mượn nên ông không có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn.

- *Bị đơn, bà Nguyễn Thị Mộng D trình bày:* Bà không có vay tiền của bà Dương Ngọc T và không biết gì đến số tiền này. Sau khi Tòa án thông báo thì bà mới nghe ông Nguyễn Thanh H nói lại là có mượn của bà Dương Ngọc T tổng số tiền là 300.000.000 đồng và bà T có cho ông H số tiền 750.000.000 đồng để hỗ trợ kinh doanh. Bà D xác định quá trình ông H làm ăn có mang tiền về để lo chi phí sinh hoạt trong gia đình. Quá trình mượn tiền từ ngày 02/8/2019 đến ngày 31/3/2021 ông H đã chuyển khoản trả cho bà T nhiều lần tổng số tiền là 246.500.000 đồng. Nay, ông H chỉ còn nợ bà T số tiền là 53.500.000 đồng. Bà D xác định đây là nợ cá nhân của ông H nên không đồng ý cùng có trách nhiệm thanh toán tiền cho bà T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 121/2022/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Mộng D có nghĩa vụ thanh toán cho bà Dương Ngọc T số tiền 803.500.000 đồng (Tám trăm lẻ ba triệu năm trăm ngàn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của bà Dương Ngọc T về việc buộc ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Mộng D phải thanh toán số tiền là 285.500.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/6/2022, ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Mộng D nộp đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với cùng nội dung: Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng đồng ý trả cho bà T số tiền 53.500.000 đồng

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Mộng D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, bà Mai Thị Ngọc O tranh luận:

Số tiền 750.000.000 đồng là tiền bà T góp vốn vào Công ty để nhận chuyển nhượng đất từ Công ty cổ phần Nhứt Hồng để làm trụ sở kinh doanh thể hiện qua các xác nhận và biên nhận với nội dung hỗ trợ ông H để phát triển Công ty TNHH thương mại, dịch vụ Hải Đại Phát. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xác định số tiền 750.000.000 đồng là tiền bà T góp vốn với ông H để kinh doanh từ đó chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Mộng D. Sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Huỳnh Tấn A trình bày:

Bà T xác định số tiền 450.000.000 đồng là bà T cho ông H vay vào năm 2017 khi bà T và ông H chưa góp vốn kinh doanh chung. Tại các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, ông H thừa nhận ông H nhận số tiền này vào năm 2017. Số tiền 300.000.000 đồng, bà T cho ông H, bà D vay vào ngày 03 tháng 01 năm 2019. Tại cấp sơ thẩm, ông H cho rằng số tiền 750.000.000 đồng là tiền ông H được bà T tặng cho chứ không nói đây là tiền góp vốn kinh doanh chung. Việc ông H cho rằng góp vốn kinh doanh chung là không có cơ sở. Vì tại các báo cáo tài chính, tờ kê khai thuế thể hiện Công ty TNHH thương mại, dịch vụ Hải Đại Phát không có hoạt động kinh doanh trên thực tế. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Mộng D giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh H, bà

Nguyễn Thị Mộng D. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 121/2022/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn yêu cầu hoãn phiên tòa để Luật sư tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn tham gia. Xét thấy, đây là lần triệu tập hợp lệ lần thứ hai và trong thời gian chuẩn bị xét xử, bị đơn không thực hiện quyền này mà tại phiên tòa mới yêu cầu nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu hoãn phiên tòa của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

[2] Ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Mộng D kháng cáo không đồng ý hoàn trả số tiền 750.000.000 đồng. Vì cho rằng, số tiền 750.000.000 đồng là tiền bà Dương Ngọc T đưa cho ông H để góp vốn kinh doanh trong Công ty TNHH thương mại, dịch vụ Hải Đại Phát (Công ty Hải Đại Phát). Xét kháng cáo của ông H, bà D, Hội đồng xét xử nhận định:

[3] Ông H thừa nhận có nhận từ bà T số tiền 1.050.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông H trình bày, ông H vay của bà T 300.000.000 đồng, còn 750.000.000 đồng là tiền bà T góp vốn vào kinh doanh chung; bà T trình bày, toàn bộ số tiền 1.050.000.000 đồng là tiền bà T cho ông H vay.

[4] Xét thấy, ông Nguyễn Thanh H, bà Dương Ngọc T có đăng ký kinh doanh chung với tư cách là thành viên Công ty Hải Đại Phát có vốn điều lệ 200.000.000 đồng. Bà T góp vốn 100.000.000 đồng, ông H góp vốn 100.000.000 đồng và có đăng ký kinh doanh tại giấy chứng nhận kinh doanh ngày 19 tháng 3 năm 2018 của Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Cà Mau. Tuy nhiên, tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 và Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2019 của Công ty Hải Đại Phát thể hiện Công ty Hải Đại Phát không có hoạt động sản xuất kinh doanh. Điều này được thể hiện rõ ràng qua Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2018, 2019 của Công ty Hải Đại Phát là 0 đồng. Đến ngày 09 tháng 12 năm 2019, Công ty Hải Đại Phát có quyết định tạm ngừng kinh doanh. Như vậy, Công ty Hải Đại Phát không có hoạt động kinh doanh trong thực tế. Hơn nữa, nếu có việc góp vốn xảy ra theo Điều lệ Công ty thì thời gian góp vốn là ngày 24/3/2018 số tiền góp vốn là 100.000.000 đồng. Trong khi theo biên nhận và theo thừa nhận của bị đơn thì số tiền bà T góp vốn vào ngày 03 tháng 01 năm 2019 số tiền 300.000.000 đồng và vào tháng 3 năm 2018 số tiền 450.000.000 đồng là không phù hợp với thời gian và số tiền góp vốn theo thỏa thuận. Do đó, bị đơn cho rằng số tiền 750.000.000 đồng góp vốn kinh doanh chung là không có cơ sở.

[5] Bị đơn cung cấp cho Tòa án giấy ủy quyền của bị đơn cho nguyên đơn nộp tiền đất theo định kỳ để trả tiền nhận chuyển nhượng đất từ Công ty cổ phần Nhựt Hồng. Xét thấy, việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên và số tiền bà T trả cho Công ty cổ phần Nhựt Hồng theo ủy quyền của ông H là một quan hệ khác, không liên quan với số tiền 750.000.000 đồng các đương sự đang tranh chấp. Hơn nữa, các chứng từ Công ty Hải Đại Phát trả cho Công ty cổ phần Nhựt Hồng không trùng với thời gian hai lần nhận tiền của bà T với số tiền 750.000.000 đồng.

Ngoài ra, phần đất Công ty Hải Đại Phát nhận chuyển nhượng từ Công ty cổ phần Nhựt Hồng sau khi trả tiền hoàn tất thì phần đất trên thuộc về Công ty Hải Đại Phát do ông H và bà D là thành viên Công ty Hải Đại Phát; còn bà T hiện nay không còn là thành viên Công ty Hải Đại Phát nên bà T không được hưởng đối với quyền sử dụng phần đất nhận chuyển nhượng từ Công ty cổ phần Nhựt Hồng cho nên bị đơn cho rằng bà T góp vốn kinh doanh là không có cơ sở. Ngoài ra, tại Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm, ông H không đề cập đến việc kinh doanh chung mà thừa nhận đây là khoản tiền ông H được bà T tặng cho đến khi kháng cáo thì ông H mới trình bày góp vốn kinh doanh chung. Như vậy, ông H đang viện dẫn ra các lý do để không phải trả lại số tiền đã nhận của bà T. Do đó, ông H đã thừa nhận có nhận số tiền 750.000.000 đồng nhưng ông H không có chứng cứ chứng minh số tiền này là góp vốn kinh doanh chung cũng không chứng minh được bà Thủy tặng cho. Hiện nay, ông H chưa trả cho bà T số tiền trên nên cấp sơ thẩm buộc ông H, bà D trả cho bà T số tiền 750.000.000 đồng là có căn cứ.

[6] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Mộng D. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 121/2022/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa là phù hợp. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm có điều chỉnh cách tuyên án để dễ thi hành án.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Mộng D, mỗi người phải chịu 300.000 đồng; ông H, bà D, mỗi người có nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng, được chuyển thu, đối trừ.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Mộng D.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 121/2022/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Dương Ngọc T.

Buộc ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Mộng D có nghĩa vụ thanh toán cho bà Dương Ngọc T số tiền **803.500.000 đồng (Tám trăm lẻ ba triệu năm trăm ngàn đồng).**

Không chấp nhận yêu cầu của bà Dương Ngọc T về việc buộc ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Mộng D phải thanh toán số tiền là **285.500.000 đồng**.

Kể từ ngày bà Dương Ngọc T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Mộng D không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Mộng D phải chịu **án phí 36.105.000 đồng (chưa nộp)**. Bà Dương Ngọc T phải chịu án phí **14.275.000 đồng**, vào ngày 29/3/2022 bà Dương Ngọc T có **nộp tạm ứng án phí số tiền 20.500.000 đồng theo lai thu số 0001090** tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được đối trừ, bà Dương Ngọc T được nhận lại số tiền 6.225.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Mộng D, mỗi người phải chịu 300.000 đồng, ngày 07/6/2022, ông H, bà D, mỗi người có nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001503; 0001502 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu, đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Minh Trung